

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:64/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28-6-2023

V/: Không công nhận
quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trần Văn Dũng;

2- Ông Nông Thanh Tuấn.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Ông Lý Văn Tầm- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th 36 tuổi

Địa chỉ: Thôn Kh- xã M- huyện L- tỉnh Y.

Bị đơn: Anh Hà Văn L 38 tuổi

Địa chỉ: Thôn Kh- xã M- huyện L- tỉnh Y.

Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 27-4-2023 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Trần Thị Th trình bày: Chị và anh Hà Văn L về sống chung như vợ chồng năm 2005 chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống không hạnh phúc do anh L hay uống rượu say, không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình, con cái, nhiều lần xảy ra cãi nhau, thậm chí còn đánh chị. Xác định tình cảm không còn chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Chị và anh L có hai con chung là Hà Cao L1 sinh ngày 07-9-2005 và Hà Nhật L2 sinh ngày 20-11-2009. Ly hôn chị sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L2, để anh L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L1; nếu cháu L1 không ở được với bố chị sẽ

chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Trong biên bản ghi lời khai bị đơn là anh Hà Văn L trình bày cơ bản như lời khai của chị Th. Ly hôn anh sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà Cao L1, để chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà Nhật L2. Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp L2 nhưng vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ là chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 9; điều 14; điều 53; các điều 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Th và anh Hà Văn L; giao cháu Hà Cao L1 cho anh Hà Văn L, giao cháu Hà Nhật L2 cho chị Trần Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Trần Thị Th và anh Hà Văn L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã M- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Hà Văn L về sống chung như vợ chồng năm 2005 không đăng ký kết hôn là đúng thực tế. Trong những năm qua giữa hai người xảy ra mâu thuẫn, xác định không thể chung sống lâu dài, chị Th đề nghị giải quyết cho ly hôn.

Để góp phần xây dựng, hoàn thiện, bảo vệ chế độ hôn nhân, gia đình tiến bộ, Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện...”; “Trong trường hợp không đăng ký kết

hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng... ”. Thực tế trong vụ án này chị Trần Thị Th và anh Hà Văn L về chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó cần phải áp dụng những quy định trên đây để tuyên bố chị Th và anh L không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống, chị Trần Thị Th và anh Hà Văn L có hai cháu là Hà Cao L1 sinh ngày 07-9-2005 và Hà Nhật L2 sinh ngày 20-11-2009. Ly hôn chị Th muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L2, để anh L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L1.

Tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Trong biên bản lấy lời khai cháu L1 có nguyện vọng được ở với bố; cháu L2 có nguyện vọng được ở với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù không có mặt tham gia phiên hoà giải tuy nhiên quan điểm của anh L cũng nhất trí khi ly hôn mỗi người nuôi một cháu, anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà Cao L1, chị Ly chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà Nhật L2, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung. Sự thống nhất này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con cần ghi nhận.

[3] Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14 và khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Th và anh Hà Văn L.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cháu Hà Cao L1 sinh ngày 07-9-2005 cho anh Hà Văn L, giao cháu Hà Nhật L2 sinh ngày 20-11-2009 cho chị Trần Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở bên kia thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, xác nhận đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2021/0003540 ngày 27-4-2023.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô